TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 09-8-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Lại

Bà Đặng Hoàng Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đình Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/10/1987 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Đỗ Thị P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 26/2007/HSST ngày 10/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 12/5/2024 đến ngày 17/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Công ty cổ phần xây dựng C, địa chỉ trụ sở: Số 236/6 Đ, phường 17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tùng L, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền số 2454/2024/UQ-TGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2024; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T1 là lái xe cho Công ty Vận tải TNHH cơ khí thương mại và xây dựng T, địa chỉ số 16, lô 18 Khu liền kề, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng là nhà thầu phụ của Công ty cổ phần xây dựng C đang thực hiện công trình trong nhà máy ô tô Vinfast ở thôn Trung Lâm, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Khoảng 13 giờ 30’ ngày 10/5/2024, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe ô tô tải gắn cần cẩu biển kiểm soát 15H-068.24 chở vật liệu làm việc tại bãi tập kết sắt, thép của Công ty cổ phần xây dựng C tại nhà máy sản xuất ô tô Vinfast. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi thực hiện xong công việc, thấy trên xe tải vẫn còn 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,5cm; 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,8cm và khoảng 272kg sắt vụn, nên nảy sinh mục đích trộm cắp tài sản. T1 lấy xẻng có sẵn ở trên xe, xúc cát ở khu vực thi công phủ lên số sắt để che giấu và điều khiển xe tải về khu vực trung tâm thử nghiệm động cơ và xưởng động cơ điện của nhà máy ô tô Vinfast cách vị trí làm khoảng 01km cất xe, chờ cơ hội vận chuyển tài sản trộm cắp được ra ngoài nhà máy ô tô Vinfast để bán lấy tiền ăn tiêu.

Ngày 11/5/2024, anh Nguyễn Tùng L (sinh năm 1993, Chức vụ: Phó chỉ huy trưởng công trường của nhà thầu C) kiểm tra vật liệu phát hiện bị mất 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,5cm; 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,8cm và khoảng 270kg sắt thép vụn có nhiều kích thước, nên đã trình báo Công an xã Văn Phong.

Ngày 12/5/2024, Nguyễn Văn T1 đến Công an xã Văn Phong đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Công an xã Văn Phong đã lập biên bản tạm giữ 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,5 cm; 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,8cm và 272 kg sắt phế liệu; 01 chiếc xẻng chiều dài 1,73m phần lưỡi xẻng bằng kim loại, cán bằng tre.

Tại Kết luận về giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 14/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cát Hải kết luận: 31 thanh kim loại có ký hiệu VIS CB5 D28, cùng hình dạng, kích thước (dài 5,85m, đường kính 2,8cm) có giá 6.417.000 đồng; 31 thanh kim loại có ký hiệu VIS CB5 D25, cùng hình dạng, kích thước (dài 5,85m, đường kính 2,5cm) có giá 5.133.750 đồng; 272kg kim loại phế liệu, kích thước không đồng nhất, hình dạng khác nhau có giá 1.904.000 đồng. Tổng giá trị làm tròn: 13.455.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 12/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu, xác nhận việc điều tra, truy tố đối với bị cáo là không oan sai; trong quá trình điều tra,

không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, nhưng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về bồi thường dân sự, Công ty cổ phần xây dựng C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Công an để đầu thú; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly xã hội.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T1 từ 15 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng. Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Về xử lý vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,5cm; 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,8cm và 272kg sắt vụn cho Công ty cổ phần xây dựng C là chủ sở hữu.

Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 15H-068.24 là tài sản của Công ty TNHH Hưng Thịnh PHP, do Công ty không biết việc Nguyễn Văn T1 sử dụng phương tiện vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty.

Đối với 01 chiếc xẻng chiều dài 1,73m, lưỡi xẻng bằng kim loại, cán bằng tre là của bị cáo dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần xây dựng C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng thời thừa nhận luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt là đúng, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải và

đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt đại diện hợp pháp của bị hại. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của bị hại đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Về trách nhiệm dân sự, Công ty cổ phần xây dựng C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nhận thấy, việc vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Việc Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh:

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Khoảng 16 giờ, ngày 10/5/2024, tại bãi tập kết sắt, thép của Công ty cổ phần xây dựng C tại nhà máy ô tô Vinfast xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn T1 đã lén lút chiếm đoạt tài sản 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,5cm; 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,8cm và khoảng 272kg sắt vụn của Công ty cổ phần xây dựng C tổng trị giá 13.455.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Như vậy, hành vi lén lút, chiếm đoạt các thanh thép và sắt vụn trị giá 13.455.000 đồng nêu trên của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng trên là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, gây mất trật tự trị an trong khu vực, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, trừng trị đối với bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Công an để đầu thú; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích. Hành vi phạm tội trên của bị cáo nhưng chưa gây thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét yếu tố nhân thân này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về hình phạt chính:

[8] Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; đại diện Viện Kiểm sát đưa ra các chứng cứ buộc tội, các điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo cách ly xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *"5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do,

không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,5cm; 31 thanh thép nhãn hiệu Việt Ý có chiều dài khoảng 5,85m đường kính 2,8cm và 272kg sắt vụn cho chủ sở hữu là Công ty cổ phần xây dựng C, là đúng quy định của pháp luật.

Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 15H-068.24 là tài sản của Công ty TNHH Hưng Thịnh P HP, do Công ty không biết việc Nguyễn Văn T1 sử dụng phương tiện vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty là đúng luật định.

Đối với 01 chiếc xẻng chiều dài 1,73m, lưỡi xẻng bằng kim loại, cán bằng tre là của bị cáo dùng để xúc cát tre phủ lên số sắt thép mà bị cáo đã trộm cắp, do đó là công cụ dùng vào việc phạm tội. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự:

[11] Công ty cổ phần xây dựng C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hình sự:

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

- Về quyền kháng cáo:

[13] Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hủy bỏ Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 16/LC-CQĐT ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Nguyễn Văn T1

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

"1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.".

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xẻng chiều dài 1,73m, lưỡi xẻng bằng kim loại, cán bằng tre thu được của bị cáo T1 Đặc điểm các vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV 06);
- VKSND huyện Cát Hải;
- Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm